

## KẾT QUẢ BƯỚC ĐẦU ĐIỀU TRA TÍNH ĐA DẠNG CỦA KHU HỆ THÚ (MAMMALIA) VÙNG ĐỒI NÚI THUỘC THỊ XÃ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

LÊ THỊ MỸ THANH, VŨ ĐÌNH THÔNG

*Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật*

Chí Linh là một thị xã nằm ở phía Đông Bắc tỉnh Hải Dương, có địa hình đa dạng, diện tích đồi núi xen kẽ với đồng bằng. Hiện nay, tổng diện tích của thị xã Chí Linh là 29.618 ha; trong đó, diện tích đất lâm nghiệp là 14.470 ha, bao gồm rừng tự nhiên và rừng trồng. Kết quả của một số công trình nghiên cứu trước đây về điều kiện tự nhiên cho thấy: Vùng đồi núi ở Chí Linh có điều kiện tự nhiên thích hợp cho nhiều loài thú sinh sống. Tuy nhiên, những kết quả nghiên cứu về tài nguyên sinh vật ở khu vực Chí Linh còn rất hạn chế; đặc biệt, chưa có nghiên cứu chuyên sâu về các loài thú nhỏ và dơi. Thực tế, các loài thú có vị trí quan trọng trong hệ sinh thái, có vai trò to lớn trong đánh giá tổng thể giá trị và hiện trạng đa dạng sinh học của khu vực. Trong thời gian từ tháng 3 đến tháng 6 năm 2011, chúng tôi đã thực hiện điều tra thực địa nhằm đánh giá tính đa dạng và hiện trạng của các loài thú sinh sống ở vùng rừng núi thuộc thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Bài báo này trình bày những kết quả nghiên cứu bước đầu đã đạt được.

### I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

**1. Quan sát:** Quá trình quan sát thực hiện theo các tuyến rừng với sự hỗ trợ của máy ảnh, ống nhòm và đèn chiếu sáng. Những thông tin và dẫn liệu về thời gian hoạt động, dấu vết, đặc điểm sinh cảnh của các loài thú hiện đang sinh sống trong khu vực nghiên cứu được ghi nhận chi tiết.

**2. Phỏng vấn:** Thực hiện phỏng vấn với những người dân địa phương cao tuổi, đã sinh sống ở khu vực nghiên cứu qua nhiều thập kỷ. Ảnh của các loài thú lớn và bộ câu hỏi được sử dụng trong quá trình phỏng vấn nhằm nâng cao hiệu quả phỏng vấn.

**3. Thu mẫu Gặm nhấm và Dơi:** Mẫu Gặm nhấm được thu bằng bẫy đập và bẫy lồng. Bẫy được đặt dọc theo các tuyến khảo sát và khu vực gần nương rẫy của cư dân địa phương. Công cụ thu mẫu Dơi chủ yếu là bẫy thụ cầm, vợt cầm tay và các loại lưới mờ có kích cỡ khác nhau (6 m × 2,5 m; 9 m × 2,5 m; 12 m × 2,5 m; 20 m × 2,5 m). Thời gian thu mẫu thường bắt đầu khi mặt trời lặn chiều hôm trước tới lúc mặt trời mọc sáng hôm sau. Lưới mờ và bẫy thụ cầm có thể sử dụng riêng rẽ hay kết hợp với nhau tùy thuộc vào các đặc điểm của địa hình và sinh cảnh. Vợt cầm tay thường dùng để bắt Dơi trong khe núi hẹp và dưới tán cây thấp. Những nhân tố có liên quan đến việc bắt Dơi như điều kiện thời tiết, đặc điểm sinh cảnh... cũng được quan sát và ghi chép chi tiết.

**4. Phân tích và định loại:** Tất cả các tư liệu và mẫu vật được phân tích và định loại căn cứ vào đặc điểm nhận diện của chúng và đối chiếu với tài liệu chuyên ngành. Đối với các loài Dơi, mỗi loài giữ lại 1-2 mẫu đại diện; đồng thời, những cá thể có đặc điểm lạ hoặc đặc điểm nghi vấn cũng được giữ lại để xác định tên loài tại Phòng Bảo tàng thuộc Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật. Việc phân tích, kiểm định một số kết quả nghiên cứu được thực hiện với sự trợ giúp của các chuyên gia nước ngoài.

### II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

**1. Thành phần loài:** Cho tới nay, đã có 42 loài thuộc 15 họ, 6 bộ đã được ghi nhận ở khu vực rừng núi thuộc thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương (Bảng 1). Trong đó, có 16 loài thuộc bộ Dơi, 16 loài thuộc bộ Gặm nhấm; các loài còn lại thuộc các bộ Ăn thịt (7 loài), Nhiều răng (1 loài), Chuột mù (1 loài) và Móng guốc ngón chẵn (1 loài).

Bảng 1

**Thành phần loài thú hiện biết ở khu vực rừng núi thuộc thị xã Chí Linh**

Tên Việt Nam	Tên khoa học	Nguồn tư liệu
<b>BỘ NHIỀU RĂNG</b>	<b>SCANDENTIA Wagner, 1855</b>	
<b>Họ Đồi</b>	<b>Tupaiaidae Gray, 1825</b>	
Đồi	<i>Tupaia belangeri</i> (Wagner, 1841)	M
<b>BỘ CHUỘT CHÙ</b>	<b>SORICOMORPHA Gregory, 1910</b>	
<b>Họ Chuột chù</b>	<b>Soricidae G. Fischer, 1814</b>	
Chuột chù nhà	<i>Suncus murinus</i> (Linnaeus, 1766)	M
<b>BỘ Dơi</b>	<b>CHIROPTERA Blumbach, 1779</b>	
<b>Họ Dơi quạ</b>	<b>Pteropodidae Gray, 1821</b>	
Dơi chó cánh dài	<i>Cynopterus sphinx</i> (Vahl, 1797)	M
Dơi cáo nâu	<i>Rousettus leschenaulti</i> (Desmarest, 1820)	M
Dơi quạ lưỡi dài	<i>Eonycteris spelaea</i> (Dobson, 1871)	M
<b>Họ Dơi lá mũi</b>	<b>Rhinolophidae Gray, 1825</b>	
Dơi lá đuôi	<i>Rhinolophus affinis</i> Horsfield, 1823	M
Dơi lá péc-xôn	<i>R. pearsonii</i> Horsfield, 1851	M
Dơi lá mũi nhỏ	<i>R. pusillus</i> Temminck, 1834	M
Dơi lá tô-ma	<i>R. thomasi</i> K. Andersen, 1905	M
<b>Họ Dơi nếp mũi</b>	<b>Hipposideridae Lydekker, 1891</b>	
Dơi nếp mũi ba lá	<i>Aselliscus stoliczkanus</i> (Dobson, 1871)	M
Dơi nếp mũi quạ	<i>Hipposideros armiger</i> (Hodgson, 1835)	M
Dơi nếp mũi xám	<i>H. larvatus</i> (Horsfield, 1823)	M
Dơi nếp mũi xanh	<i>H. pomona</i> K. Andersen, 1918	M
<b>Họ Dơi muỗi</b>	<b>Vespertilionidae Gray, 1821</b>	
Dơi muỗi sọ dẹt	<i>Pipistrellus abramus</i> (Temminck, 1838)	M
Dơi muỗi xám	<i>P. javanicus</i> (Gray, 1838)	M
Dơi chân dẹt thịt	<i>Tylonycteris pachypus</i> (Temminck, 1840)	M
Dơi mũi ống tai tròn	<i>Murina cyclotis</i> Dobson, 1872	M
Dơi mũi nhọn xám	<i>Kerivoula hardwickii</i> (Horsfield, 1824)	M
<b>BỘ ĂN THỊT</b>	<b>CARNIVORA Bowdich, 1821</b>	
<b>Họ Mèo</b>	<b>Felidae Fischer de Waldheim, 1817</b>	
Mèo rừng	<i>Prionailurus bengalensis</i> (Kerr, 1792)	QS
<b>Họ Cây</b>	<b>Viverridae Gray, 1821</b>	
Cây vòi mốc	<i>Paguma larvata</i> (Smith, 1827)	QS
Cây vòi đốm	<i>Paradoxurus hermaphroditus</i> (Pallas, 1777)	QS
Cây hương	<i>Viverricula indica</i> (Geoffroy, 1803)	QS
<b>Họ Cây lôn</b>	<b>Herpestidae Bonaparte, 1845</b>	
Cây lôn tranh	<i>Herpestes javanicus</i> (Geoffroy, 1818)	QS
<b>Họ Chồn</b>	<b>Mustelidae Fischer, 1817</b>	
Rái cá thường	<i>Lutra lutra</i> (Linnaeus, 1758)	PV
Chồn bạc má bắc	<i>Melogale moschata</i> (Gray, 1831)	QS

Tên Việt Nam	Tên khoa học	Nguồn tư liệu
<b>BỘ MÓNG GUỐC NGÓN CHÂN</b>	<b>ARTIODACTYLA Owen, 1848</b>	
<b>Họ Hươu nai</b>	<b>Cervidae Goldfuss, 1820</b>	
Mang thường	<i>Muntiacus muntjak</i> (Zimmermann, 1780)	PV
<b>BỘ Gặm nhấm</b>	<b>Rodentia Bowdich, 1821</b>	
<b>Họ Sóc</b>	<b>Sciuridae Fischer de Waldheim, 1817</b>	
Sóc đen	<i>Ratufa bicolor</i> (Sparrman, 1778)	QS
Sóc bụng đỏ	<i>Callosciurus erythraeus</i> (Pallas, 1779)	QS
Sóc mõm hung	<i>Dremomys rufigenis</i> (Blanford, 1878)	QS
Sóc chuột hải nam	<i>Tamias maritimus</i> (Bonhote, 1900)	M
<b>Họ Dúi</b>	<b>Spalacidae Gray, 1821</b>	
Dúi mốc lớn	<i>Rhizomys pruinosus</i> Blyth, 1851	M
<b>Họ Chuột</b>	<b>Muridae Illiger, 1811</b>	
Chuột đất lớn	<i>Bandicota indica</i> (Bechstein, 1800)	M
Chuột đất bé	<i>B. savilei</i> Thomas, 1916	M
Chuột nhắt đồng	<i>Mus caroli</i> Bonhote, 1902	M
Chuột nhắt nhà	<i>M. musculus</i> Linnaeus, 1758	M
Chuột hươu bé	<i>Niviventer fulvescens</i> (Gray, 1847)	M
Chuột cống	<i>Rattus norvegicus</i> (Berkenhout, 1769)	M
Chuột thường	<i>R. rattus</i> (Linnaeus, 1758)	M
Chuột nhà	<i>R. flavipectus</i> (Milne-Edwards, 1871)	M
Chuột rừng	<i>R. koratensis</i> Kloss, 1915	M
Chuột đồng bé	<i>R. losea</i> (Swinhoe, 1870)	M
<b>Họ Nhím</b>	<b>Hystriidae G. Fischer, 1817</b>	
Đon	<i>Atherurus macrourus</i> (Linnaeus, 1758)	PV

Ghi chú: M = Mẫu nghiên cứu; QS = Quan sát; PV = Phòng vấn.

## 2. Nhận định về tính đa dạng và hiện trạng của các loài ở khu vực nghiên cứu

Nhìn chung, thành phần loài thú hiện biết ở khu vực nghiên cứu chủ yếu là các loài thú nhỏ, ít có giá trị kinh tế đối với đời sống của cư dân địa phương nên ít bị săn bắt. Do vậy, phần lớn các loài thú ở Chí Linh đang sinh sống với mật độ lớn. Cá biệt, có 3 loài chỉ được ghi nhận qua phỏng vấn (Bảng 1). Trong những năm cuối của thế kỷ 20, tình trạng săn bắt trái phép các loài thú ở khu vực Chí Linh đã làm suy giảm nghiêm trọng số lượng của các loài này và các thú khác có giá trị kinh tế. Mặt khác, sự phát triển du lịch và mở rộng mô hình trang trại đã và đang làm giảm diện tích rừng tự nhiên nên có tác động không nhỏ đến những loài thú lớn. Mặc dù vậy, quá trình mở rộng diện tích trang trại, nhiều loại cây ăn quả được trồng ở địa phương đã tạo môi trường thuận lợi cho sự phát triển của những loài thú nhỏ, trong đó có loài Dơi chó cánh dài *Cynopterus sphinx*. Loài Dơi này hiện đang sinh sống ở Chí Linh với mật độ lớn, bắt gặp ở hầu khắp các điểm nghiên cứu trong suốt thời gian điều tra. Đáng chú ý, phạm vi điều tra còn rất nhỏ so với diện tích vùng đồi núi tự nhiên của khu vực Chí Linh. Những dẫn liệu đó phần nào gợi ý những nghiên cứu tiếp theo nhằm đánh giá sát thực tính đa dạng của khu hệ thú ở khu vực rừng núi thuộc thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

### III. KẾT LUẬN

Đã có 42 loài thú thuộc 15 họ, 6 bộ được ghi nhận ở vùng rừng núi thuộc thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Hầu hết các loài thú ghi nhận được ở khu vực nghiên cứu là các loài thú nhỏ, hiện sinh sống với mật độ lớn và ít có giá trị kinh tế đối với cư dân địa phương. Có 3 loài thú chỉ ghi nhận được qua phỏng vấn trong suốt thời gian điều tra thực địa.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Bates P.J.J., D.L. Harrison**, 1997: Bats of the Indian Subcontinent. Harrison Zoological Museum Publications, Kent, England.
2. **Borissenko A.V., S.V. Kruskop**, 2003: Bats of Vietnam and Adjacent Territories: an identification manual. Hanoi, Vietnam and Moscow, Russia.
3. **Corbet G.B. , Hill JE.** 1992: The Mammals of the Indomalayan Region. Oxford University Press, England.
4. **Csorba G., P. Ujhelyi, N. Thomas**, 2003: Horseshoe Bats of the World (Chiroptera: Rhinolophidae). Alana Books, United Kingdom.
5. **Đặng Huy Huỳnh, Cao Văn Sung, Lê Xuân Cảnh, Phạm Trọng Ảnh, Nguyễn Xuân Đặng, Hoàng Minh Khiên, Nguyễn Minh Tâm**, 2007: Động vật chí Việt Nam: Tập 25, lớp thú. NXB. KH&KT, Hà Nội, 362 trang.
6. **Đặng Huy Huỳnh, Hoàng Minh Khiên, Nguyễn Xuân Đặng, Lê Xuân Cảnh, Vũ Đình Thống, Đặng Huy Phương**, 2008: Thú hoang dã (Mammalia) Việt Nam. NXB. KHTN&CN, Hà Nội 235 pp.
7. **Lekagul B., J.A. McNeely**, 1977: Mammals of Thailand. Sahakarnbhat Co. Bangkok, 758 pp.
8. **Simmons N.B.**, 2005: Order Chiroptera. In: Wilson DE, Reeder DM (eds) Mammal species of the world: A taxonomic and geographic reference, 3rd ed, 312–529. Johns Hopkins University Press, Baltimore.
9. **Thong V.D., N.M. Furey**, 2008: *Vietnamese Journal of Biology* 30: 73–77.
10. **Thong V.D.** 2011: Systematics and echolocation of rhinolophoid bats (Mammalia: Chiroptera) in Vietnam. PhD Thesis, University of Tuebingen, Tuebingen, Germany.

### PRELIMINARY DATA ON THE MAMMAL SPECIES OF CHI LINH AREA, HAI DUONG PROVINCE

LE THI MY THANH, VU DINH THONG

### SUMMARY

Chi Linh town together with adjacent areas are well known as a tourism region in Vietnam. The region contains various habitats including natural forests and plantations. However, to our knowledge, there was no specific study on the mammal fauna of the region. Between March and June 2011, we had conducted a series of mammal surveys within selected areas of the region. This paper provides our findings with remarks on diversity and current status of mammals living in the study sites.